**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ**

**về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều**

**theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ và**

**Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ**

**1. Cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn và sự cần thiết ban hành Thông tư**

***1.1. Cơ sở pháp lý:***

- Khoản 2 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định *“2. Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm theo hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua, bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.”.*

- Ngày 16/6/2025 Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, trong đó quy định tổ chức tín dụng được giữ nguyên nhóm nợ đối với khoản nợ có số dư nợ gốc, lãi đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng quy định tại Nghị định.

- Ngày 24/2/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 26/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN (hiệu lực từ ngày 01/3/2025), trong đó sắp xếp, tổ chức lại một số đơn vị Vụ, cục, NHNN chi nhánh, vì vậy, cần quy định lại trách nhiệm của các đơn vị thuộc NHNN tại Thông tư để phù hợp với quy định tại Nghị định 26/2025/NĐ-CP.

***1.2. Cơ sở thực tiễn và sự cần thiết ban hành Thông tư:***

Thông tư hướng dẫn Nghị định 55/2015/NĐ-CP được ban hành từ năm 2015 (Thông tư 10/2015/TT-NHNN ngày 22/7/2015) và đã được sửa đổi 01 lần vào năm 2018 để hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (Thông tư 25/2018/TT-NHNN ngày 24/10/2018).

Ngày 16/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 156/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP. Theo đó, cần thiết ban hành Thông tư để hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 156/2025/NĐ-CP. Do phát sinh nhiều nội dung cần hướng dẫn (liên quan đến cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng; thay đổi chức năng nhiệm vụ của các Vụ, Cục...) nên cần ban hành Thông tư thay thế Thông tư 10/2015/TT-NHNN và Thông tư 25/2018/TT-NHNN (thay vì ban hành Thông tư sửa đổi lần 2).

**2. Định hướng xây dựng dự thảo Thông tư quy định về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ:**

Dự thảo Thông tư được xây dựng trên cơ sở: ***(i)*** Kế thừa một số quy định vẫn còn phù hợp tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN và Thông tư số 25/2018/TT-NHNN như: quy định về ân hạn nợ, tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm,...; ***(ii)*** Không tiếp tục quy định một số nội dung tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN và Thông tư số 25/2018/TT-NHNN do đã được quy định tại các văn bản khác có liên quan, như: Chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (đã được quy định tại Thông tư 14/2018/TT-NHNN), hồ sơ, trình tự thủ tục khoanh nợ (đã được quy định tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP, Nghị định 116/2018/NĐ-CP); ***(iii)*** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, theo dõi lãi phải thu, trách nhiệm của TCTD, trách nhiệm của các đơn vị thuộc NHNN... để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành và thực tiễn triển khai.

Các nội dung quy định tại dự thảo Thông tư không làm phát sinh thủ tục hành chính.

**3. Bố cục của DTTT:**

Dự thảo Thông tư gồm 9 Điều cụ thể như sau:

- Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh

- Điều 2 quy định về đối tượng áp dụng

- Điều 3 quy định về việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

- Điều 4 quy định về cơ cấu lại thời hạn nợ, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và theo dõi lãi phải thu

- Điều 5 quy định về ân hạn nợ

- Điều 6: Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm

- Điều 7: Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

- Điều 8: Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Điều 9: Điều khoản thi hành

**4. Bảng so sánh, thuyết minh các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Thông tư:**

| **TT** | **Tên Điều, khoản** | **Quy định tại Thông tư 10/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung bới Thông tư số 25/2018/TT-NHNN)** | **Quy định tại Dự thảo Thông tư** | **Lý do quy định tại Dự thảo Thông tư** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh** | **Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh**  Thông tư này quy định về chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho vay; việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, cho vay mới; hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoanh nợ; ân hạn nợ; tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm của khoản cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 55/2015/NĐ-CP) và Nghị định số [116/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-116-2018-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phat-trien-nong-thon-349634.aspx) ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) (sau đây gọi là Nghị định số 116/2018/NĐ-CP). | **Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh**  Thông tư này hướng dẫn việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, ân hạn nợ, khoanh nợ, tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP. | - Căn cứ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.  - Thông tư không tiếp tục kế thừa điều chỉnh các nội dung về chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho vay, hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoanh nợ do đã được quy định tại các văn bản khác có liên quan. Trong đó, chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đã được quy định tại Thông tư 14/2018/TT-NHNN; hồ sơ, trình tự thủ tục khoanh nợ đã được quy định tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP, Nghị định 116/2018/NĐ-CP. |
|  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng** | 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) bao gồm: ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (trừ công ty cho thuê tài chính, công ty tài chính bao thanh toán), tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức tín dụng).  2.[[3]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Van-ban-hop-nhat-19-VBHN-NHNN-2018-chinh-sach-tin-dung-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-399627.aspx#_ftn3) Khách hàng vay vốn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP). | 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).  2. Khách hàng vay vốn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP (sau đây gọi là khách hàng).  3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. | Phù hợp với đối tượng áp dụng tại Nghị định số 156/2025/NĐ-CPngày 16/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP. |
|  | **Điều 3. Chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn** | **Điều 3. Chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn**  Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) thực hiện hỗ trợ nguồn vốn đối với các tổ chức tín dụng cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thông qua việc sử dụng các công cụ điều hành chính sách tiền tệ theo quy định hiện hành, bao gồm:  1. Tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.  2. Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tín dụng cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.  3. Các chính sách hỗ trợ khác. | **Điều 3. Áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan**  1. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, ân hạn nợ, tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm của các khoản vay thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.  2. Các nội dung khác liên quan đến việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, ân hạn nợ, khoanh nợ, tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm của các khoản vay thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn không quy định tại Thông tư này, tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. | Bỏ nội dung quy định về Chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do đã được quy định tại Thông tư 14/2018/TT-NHNN (hiện đang được sửa đổi, bổ sung).  Thay vào đó, nội dung tại Điều này quy định về áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để đảm bảo các quy định được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của NHNN hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. |
|  | **Điều 4.** **Cơ cấu lại thời hạn nợ và cho vay mới** | **Điều 4. Cơ cấu lại thời hạn nợ và cho vay mới**  1. Khách hàng quy định tại khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 14 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) khó khăn trong việc trả nợ vay do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được tổ chức tín dụng xem xét:  a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng và đánh giá của tổ chức tín dụng về khả năng trả nợ của khách hàng; thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ phù hợp với chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng tổng thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ tối đa không vượt quá thời hạn cho vay vốn ban đầu theo hợp đồng tín dụng đã ký;  b) Sau thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, khách hàng không trả được nợ vay đúng hạn và không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ thì tổ chức tín dụng thực hiện phân loại nợ đối với khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Cho vay mới để phục hồi sản xuất kinh doanh đối với khách hàng có dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi.  2. Căn cứ quy định hiện hành và khả năng tài chính của mình, tổ chức tín dụng xem xét thực hiện các biện pháp hỗ trợ khác (bao gồm cả miễn, giảm lãi vay, lãi quá hạn; ưu tiên thu nợ gốc trước thu nợ lãi sau) nhằm giúp khách hàng khắc phục khó khăn, phục hồi sản xuất kinh doanh. | **Điều 4. Cơ cấu lại thời hạn nợ, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và theo dõi lãi phải thu**  1. Trường hợp khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP theo xác định của tổ chức tín dụng và khách hàng, tổ chức tín dụng xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc, lãi của khoản nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng và đáp ứng các quy định sau đây:  a) Có số dư nợ gốc phát sinh trước ngày xảy ra nguyên nhân khách quan, bất khả kháng;  b) Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, trả nợ đã thỏa thuận.  c) Khách hàng được tổ chức tín dụng đánh giá là gặp khó khăn không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc, lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc, lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại.  d) Thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp gia hạn nợ) đối với khoản nợ ngắn hạn không vượt quá 12 tháng kể từ ngày tổ chức tín dụng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc kể từ ngày đến hạn của từng số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.  đ) Thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp gia hạn nợ) đối với khoản nợ trung, dài hạn không vượt quá 24 tháng kể từ ngày tổ chức tín dụng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc kể từ ngày đến hạn của từng số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.  e) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này chỉ được thực hiện 01 (một) lần đối với một nguyên nhân khách quan, bất khả kháng cụ thể theo xác định của tổ chức tín dụng và khách hàng.  2. Khoản nợ đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo các quy định pháp luật khác nếu đáp ứng được quy định tại Thông tư này thì tổ chức tín dụng được xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này.  3. Tổ chức tín dụng thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư này theo quy định tại Nghị định số 156/2025/NĐ-CP.  4. Đối với số lãi phải thu của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) theo Nghị định số 156/2025/NĐ-CP của Chính phủ, kể từ ngày được cơ cấu lại, tổ chức tín dụng không phải hạch toán thu nhập (dự thu) mà thực hiện theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu; thực hiện hạch toán vào thu nhập khi thu được theo quy định của pháp luật về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Quy định cụ thể về việc “cơ cấu lại thời hạn trả nợ” và các nội dung có liên quan đến việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ để phù hợp với thẩm quyền được giao của NHNN tại Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và khoản 1 Điều 12 Nghị định 55/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 156/2025/NĐ-CP). |
|  | **Điều 4a. Ân hạn nợ** | **Điều 4a. Ân hạn nợ**  Đối với khách hàng vay để trồng, chăm sóc, tái canh cây lâu năm, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận thời gian ân hạn nợ gốc và lãi phù hợp với giai đoạn kiến thiết của cây trồng lâu năm. Thời gian ân hạn là khoảng thời gian tính từ khi tổ chức tín dụng bắt đầu giải ngân vốn vay đến khi khách hàng bắt đầu trả nợ gốc và lãi được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. | **Điều 5. Ân hạn nợ**  Đối với khách hàng vay để trồng, chăm sóc, tái canh cây lâu năm, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận thời gian ân hạn nợ gốc và lãi phù hợp với giai đoạn kiến thiết của cây trồng lâu năm. Thời gian ân hạn là khoảng thời gian tính từ khi tổ chức tín dụng bắt đầu giải ngân vốn vay đến khi khách hàng bắt đầu trả nợ gốc và lãi được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. | Quy định kế thừa từ Thông tư 10/2015/TT-NHNN, đã được bổ sung bởi Thông tư số 25/2018/TT-NHNN. |
|  | **Điều 5. Hồ sơ, trình tự thủ tục khoanh nợ, xóa nợ** | **Điều 5. Hồ sơ, trình tự thủ tục khoanh nợ, xóa nợ**  Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoanh nợ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) (đã được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP). | Bỏ quy định này | Do đã được quy định tại Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP. |
|  | **Điều 6. Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP** | **Điều 6. Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP**  1. Tỷ lệ khấu trừ đối với tài sản bảo đảm của các khoản cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tối đa bằng 100% so với tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với từng loại tài sản bảo đảm tương ứng của khoản cho vay lĩnh vực khác.  2. Tổ chức tín dụng quyết định tỷ lệ khấu trừ đối với từng loại tài sản bảo đảm của khoản cho vay trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi khi xử lý tài sản bảo đảm đó nhưng không được vượt quá tỷ lệ khấu trừ tối đa quy định tại khoản 1 Điều này. | **Điều 6. Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm**  Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm của các khoản vay thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo quy định của Chính phủ về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 của Chính phủ về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định *các khoản nợ mà Chính phủ có quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro khác với quy định tại Nghị định này thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định đó của Chính phủ*. Tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định 55/2015/NĐ-CP *giao NHNN quy định cụ thể tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm phù hợp với các khoản cho vay nông nghiệp, nông thôn trong từng thời kỳ*.  Do đó, Điều 6 Thông tư này cơ bản kế thừa từ Điều 6 Thông tư 10/2015/TT-NHNN; đồng thời, có chỉnh sửa từ ngữ để phù hợp với quy định về tỷ lệ khấu trừ của tài sản bảo đảm tại Điều 6 Nghị định số 86/2024/NĐ-CP. |
|  | **Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng** | **Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng**  1. Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) .  2. Ban hành hướng dẫn để triển khai thống nhất trong hệ thống tổ chức tín dụng về:  - Cho vay liên kết trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) (đã được bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP);  - Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoanh nợ phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) (đã được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP). Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, số liệu, đối tượng khách hàng đề nghị khoanh nợ.  3. Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thông tin, tuyên truyền về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) , Nghị định số [116/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-116-2018-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phat-trien-nong-thon-349634.aspx) và Thông tư này.  4. Xác định và ghi rõ mục đích cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn tại hợp đồng tín dụng, theo dõi riêng hồ sơ cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.  5. Báo cáo Ngân hàng Nhà nước dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; định kỳ hàng quý (trước ngày 15 tháng đầu tiên của quý tiếp theo) báo cáo tình hình cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo mẫu biểu đính kèm Thông tư này.  6. Thực hiện kiểm tra, giám sát trong hệ thống về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ để đảm bảo phản ánh đúng tình trạng của các khoản nợ. | **Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng**  1. Tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP).  2. Tổ chức tín dụng xác định và ghi rõ mục đích cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn tại thỏa thuận cho vay, hợp đồng tín dụng; theo dõi riêng hồ sơ cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.  3. Tổ chức tín dụng ban hành quy định nội bộ để thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống về:  a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Thông tư này, trong đó quy định cụ thể các nội dung sau:  i) Tiêu chí xác định khách hàng, số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này;  ii) Trình tự, thủ tục, phân công, phân cấp, nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này bảo đảm nguyên tắc cá nhân, bộ phận quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ không là cá nhân, bộ phận phê duyệt cấp tín dụng, trừ trường hợp việc cấp tín dụng do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) thông qua. Trường hợp việc xét duyệt cấp tín dụng và xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện thông qua cơ chế hội đồng thì Chủ tịch Hội đồng xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là Chủ tịch Hội đồng xét duyệt cấp tín dụng và ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là thành viên của Hội đồng xét duyệt tín dụng;  iii) Tần suất rà soát, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ; theo dõi, kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này;  b) Cho vay liên kết trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP);  c) Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoanh nợ phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và khoản 10 Điều 1, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 156/2025/NĐ-CP).  4. Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm về:  a) Quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này, thực hiện kiểm tra, kiểm soát nội bộ đảm bảo giám sát chặt chẽ, an toàn, phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ để trục lợi.  b) Tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, số liệu, đối tượng khách hàng đề nghị khoanh nợ.  5. Tổ chức tín dụng gửi 01 (một) bản quy định nội bộ quy định tại điểm a khoản 4 Điều này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực nơi đặt trụ sở chính) theo quy định pháp luật. 6. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm gửi báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; định kỳ hằng quý (trước ngày 15 tháng đầu tiên của quý tiếp theo) báo cáo tình hình thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. | Quy định cụ thể về trách nhiệm của TCTD tương ứng với các nội dung quy định tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP, các Nghị định sửa đổi, bổ sung và quy định tại Thông tư này. |
|  | **Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước** | **Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**  1. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế  a)[[12]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Van-ban-hop-nhat-19-VBHN-NHNN-2018-chinh-sach-tin-dung-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-399627.aspx#_ftn12) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong việc phối hợp với Bộ Tài chính xem xét xử lý đề nghị khoanh nợ do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP);  b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.  2. Vụ Chính sách tiền tệ  a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ nguồn vốn đối với tổ chức tín dụng cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thông qua việc sử dụng các công cụ điều hành chính sách tiền tệ;  b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.  3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng  a) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xây dựng chính sách khuyến khích các tổ chức tín dụng mở chi nhánh, phòng giao dịch tại khu vực nông thôn (đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn) trên cơ sở các tổ chức tín dụng đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về mở rộng mạng lưới của tổ chức tín dụng trong từng thời kỳ;  b) Thực hiện thanh tra, giám sát việc cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định của pháp luật;  Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.  4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương  a) Theo dõi và phối hợp với các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong việc triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn;  b)[[13]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Van-ban-hop-nhat-19-VBHN-NHNN-2018-chinh-sach-tin-dung-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-399627.aspx#_ftn13) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, xác nhận, rà soát, tổng hợp hồ sơ, số liệu, đối tượng khách hàng đề nghị khoanh nợ của tổ chức tín dụng để tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) (đã được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP);  c) Thực hiện hoặc phối hợp thực hiện công tác thanh tra, giám sát việc cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định; | **Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**  1. Trách nhiệm của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế  a) Theo dõi, đôn đốc, tra soát mẫu biểu báo cáo của tổ chức tín dụng (không bao gồm quỹ tín dụng nhân dân) theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc phối hợp với Bộ Tài chính xem xét xử lý đề nghị khoanh nợ theo quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 15a Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP);  c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.  2. Trách nhiệm của Vụ Chính sách tiền tệ  a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP;  b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.  3. Trách nhiệm của Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng  a) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng chính sách khuyến khích các tổ chức tín dụng mở chi nhánh, phòng giao dịch tại địa bàn nông thôn theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP;  b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.  4. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng  a) Thực hiện thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định tại Thông tư này của tổ chức tín dụng theo chức năng, nhiệm vụ;  b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.  5. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực  a) Theo dõi, đôn đốc, tra soát mẫu biểu báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị khoanh nợ tại địa bàn của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại Khu vực theo quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 15a Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP);  c) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này. | Quy định cụ thể về trách nhiệm của đơn vị thuộc NHNN tương ứng với các nội dung quy định tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP, các Nghị định sửa đổi, bổ sung và quy định tại Thông tư này; đồng thời phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị theo quy định tại Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/2/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
|  | **Điều 9. Điều khoản thi hành** | 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2015.  2. Thông tư này thay thế Thông tư số [14/2010/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-14-2010-tt-nhnn-huong-dan-nghi-dinh-41-2010-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-107323.aspx) ngày 14 tháng 6 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn chi tiết thực hiện Nghị định số [41/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-41-2010-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-104025.aspx) ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.  3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này | 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng…. năm 2025.  2. Thông tư này bãi bỏ:  a) Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;  b) Thông tư số 25/2018/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.  3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. | Quy định cụ thể về điều khoản thi hành của Thông tư. |